

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI QUÝ III
VÀ 9 THÁNG NĂM 2021 TỈNH BẾN TRE

Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đặc biệt là trong quý III/2021. Sản xuất và xuất khẩu hàng hóa bị đình trệ; hầu hết các doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động do không sắp xếp được hoạt động theo phương án “3 tại chỗ”, thiếu nguyên liệu và lao động...; các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, du lịch lữ hành, cơ sở lưu trú, ăn uống phải tạm đóng cửa. Giá nông sản giảm mạnh, thị trường không ổn định, tiêu thụ gặp khó khăn; người dân hạn chế mua sắm, sức mua tăng chậm. Dịch vụ du lịch, vận tải bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh; lượng khách và doanh thu du lịch giảm mạnh so cùng kỳ; các đơn vị kinh doanh vận tải gặp khó khăn, nhất là các đơn vị vay vốn ngân hàng để đầu tư phương tiện. Nhiều công trình, dự án phải tạm ngưng thi công, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Một số hoạt động trên lĩnh vực văn hóa xã hội phải tạm dừng hoặc thay đổi phương thức tổ chức cho phù hợp nên tiến độ thực hiện có chậm, kết quả hạn chế. Mặc dù trong điều kiện không có nhiều thuận lợi, tuy nhiên nhìn tổng thể chung trong 9 tháng đầu năm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đạt được một số kết quả nhất định như: Thu ngân sách đạt khá; tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tổng mức bán lẻ hàng hóa và kim ngạch xuất khẩu đạt tương đương so cùng kỳ; tình hình xâm nhập mặn được kiểm soát tốt, các giải pháp ứng phó phát huy hiệu quả; công tác đảm bảo an sinh xã hội được thực hiện tốt, đặc biệt chăm lo cho người dân trong dịp Tết Nguyên đán và các chế độ, chính sách cho người dân chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được tập trung thực hiện quyết liệt ở các cấp, các ngành và mọi tầng lớp dân cư nên tỉnh đã kiểm soát khá tốt tình hình dịch bệnh; quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Kết quả cụ thể ở một số lĩnh vực cụ thể như sau.

I. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách 9 tháng đầu năm đạt 4.234,6 tỷ đồng, đạt 86,47% dự toán Trung ương giao, 81,83% dự toán địa phương phân đầu, tăng 12,1% so cùng kỳ, nguồn thu phát sinh chủ yếu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp FDI, thu từ thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh, thuế thu nhập cá nhân và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Điều hành quản lý ngân sách chặt chẽ, đảm bảo kịp thời nhu cầu chi công tác phòng chống dịch Covid-19, chi an sinh xã hội và các nhiệm vụ chi cần thiết, cấp bách khác; tổng chi ngân sách ước đạt 7.277,3 tỷ đồng, đạt 72,7% dự toán Trung ương giao và đạt 70,8% dự toán địa phương phân đầu, tăng 14,6% so cùng kỳ; trong đó chi thường xuyên đạt 75,2% và chi đầu tư phát triển đạt 57% dự toán trung ương giao.

2. Hoạt động ngân hàng

Hoạt động tín dụng ngân hàng ổn định, an toàn. Tuy nguồn vốn huy động tăng trưởng chậm do tác động của dịch Covid-19 nhưng vẫn đảm bảo sẵn sàng để hỗ trợ duy trì và khôi phục sản xuất kinh doanh, nợ xấu tiếp tục được kiểm soát ở mức an toàn... Ước 9 tháng đầu năm, tổng vốn huy động ước đạt 45.550 tỷ đồng, tăng 2,3% so đầu năm; doanh số cho vay tăng 14,1% so cùng kỳ; dư nợ tăng 10,2% so đầu năm; nợ xấu chiếm 0,65% tổng dư nợ. Thực hiện tốt các giải pháp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, các chương trình tín dụng chính sách, cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt hỗ trợ kịp thời khách hàng bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch bệnh: Đã có 71.337 khách hàng được hỗ trợ bởi ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 với dư nợ 36.345 tỷ đồng, trong đó cho vay mới 2.590 khách hàng với số tiền 18.358 tỷ đồng; cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho 359 khách hàng với dư nợ 628 tỷ đồng; miễn, giảm, hạ lãi suất cho 68.388 khách hàng với dư nợ 17.359 tỷ đồng; hỗ trợ cho vay 01 doanh nghiệp (DN) với dư nợ 571 triệu đồng để trả lương cho lao động bị ngừng việc. Cho vay theo Nghị Quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đến nay đã có 03/05 DN liên hệ để được tư vấn về hồ sơ, thủ tục đã được tiếp cận vốn và giải ngân 280 triệu để trả lương cho 87 lao động bị ngừng việc. Các quỹ tín dụng nhân dân hoạt động an toàn và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vay vốn của người dân.

II. GIÁ CẢ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 09/2021 của tỉnh giảm chung 0,18% so tháng trước, trong đó: khu vực thành thị giảm 0,35%, khu vực nông thôn giảm 0,16%; Trong 11 nhóm hàng hóa có 6 nhóm hàng hóa có chỉ số giá giảm, có 3

nhóm hàng hóa tăng và 2 nhóm hàng hóa ổn định. Cụ thể như sau: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,51%; Nhóm nhà ở điện nước, chất đốt vật liệu xây dựng giảm 0,03%; nhóm giao thông giảm 0,12%; nhóm văn hoá, giải trí và du lịch giảm 0,23%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,01%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,23%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,28%; nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,16%; nhóm giáo dục tăng 0,07%; còn lại nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình và nhóm hàng hóa thuốc và dịch vụ y tế ổn định so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm 2021 tăng 2,40% so với cùng thời kỳ năm trước. Một số nhóm hàng có giá tăng cao trong 9 tháng đầu năm so cùng kỳ năm trước như: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,36%, trong đó lương thực tăng 5,78%, nhóm thực phẩm tăng 2,32%, nhóm ăn uống ngoài gia đình giảm 0,44%; Nhóm giao thông tăng 9,18%, Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2%. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 4,03%. Các nhóm hàng có chỉ số giá tăng nhẹ dưới 2%: nhóm giáo dục tăng 0,25%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,14%; đồ uống thuốc lá tăng 0,5%; may mặc, giày dép và mũ nón tăng 0,61%; Có ba nhóm hàng có chỉ số giá giảm so cùng kỳ đó là thiết bị đồ dùng gia đình giảm 0,08%; nhóm bưu chính viễn thông giảm 1,18%; nhóm văn hóa giải trí du lịch giảm 0,41%.

Chỉ số giá vàng tháng 9 giảm 0,27% so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước giảm 5,91%. Bình quân 9 tháng đầu năm tăng 10,69% so cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9 giảm 0,60% so với tháng trước và giảm 1,11% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân 9 tháng đầu năm 2021 giảm 0,61% so với cùng kỳ năm trước.

III. ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

1. Vốn đầu tư toàn xã hội

Tổng vốn đầu tư thực hiện trong quý III là 3.678,32 tỷ đồng, giảm 22,71% so cùng kỳ năm trước. Vốn nhà nước trên địa bàn thực hiện là 1.099,37 tỷ đồng, chiếm 29,89% trong tổng nguồn vốn đầu tư, giảm 29,05% so với cùng kỳ năm trước. Chia ra: vốn từ ngân sách nhà nước thực hiện là 631,07 tỷ đồng chiếm 57,40% trong tổng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn, vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện đạt 44,28 tỷ đồng chiếm 4,03%, vốn tín dụng đầu tư phát triển thực hiện là 23,83 tỷ đồng chiếm 2,17%. Vốn vay từ các nguồn khác thực hiện là 50,98 tỷ đồng chiếm 4,64%, vốn tự có của doanh nghiệp thực hiện là 0,21 tỷ đồng chiếm 0,02%, vốn khác thực hiện là 349 tỷ đồng chiếm 31,75% tổng

nguồn vốn ngân sách trên địa bàn. Vốn ngoài nhà nước thực hiện là 2.512,12 tỷ đồng chiếm 71,40% trong tổng nguồn vốn đầu tư phát triển, giảm 18,33% so với cùng kỳ năm trước. Chia ra: vốn của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước thực hiện là 1.196,29 tỷ đồng chiếm 47,62% trong tổng nguồn vốn ngoài nhà nước tăng 29,61% so với cùng kỳ năm trước, vốn đầu tư của dân cư thực hiện là 1.315,83 tỷ đồng, chiếm 52,38% giảm 38,89% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tỉnh thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT- TTg của Thủ tướng Chính phủ nên các công trình dự án trên địa bàn tạm dừng thi công, bên cạnh đó đa số các doanh nghiệp cũng ngừng hoạt động do chưa đảm bảo đầy đủ theo phương án 3 tại chỗ cũng phần nào làm ảnh hưởng đến tình hình kinh tế xã hội trong quý. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 66,842 tỷ đồng, chiếm 1,82% trong tổng nguồn vốn và giảm 49,85% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng năm 2021, tổng số vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Bến Tre ước thực hiện 13.740,85 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 60,47%, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,28%. Trong đó: Vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh ước thực hiện là 3.669,04 tỷ đồng, chiếm 26,70% trong tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, giảm 7,08% so với cùng kỳ năm trước. Vốn ngoài nhà nước ước thực hiện là 9.810,76 tỷ đồng, chiếm 71,40% tăng 3,70% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài ước thực hiện là 261,05 tỷ đồng, chiếm 1,90%, giảm 11,20% so với cùng kỳ năm trước.

2. Tình hình xúc tiến và hỗ trợ đầu tư

Hoạt động xúc tiến đầu tư đạt được một số kết quả quan trọng. Trong 9 tháng đầu năm, có 66 đoàn đầu tư đến trao đổi, tìm hiểu đầu tư; tỉnh đã hướng dẫn thủ tục đầu tư, kinh doanh cho 480 lượt nhà đầu tư/doanh nghiệp, tăng 4,35% so cùng kỳ.

Đầu tư nước ngoài (FDI), trong 9 tháng đầu năm tỉnh đã cấp mới cho 01 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 6,308 triệu USD, cấp giấy chứng nhận điều chỉnh cho 17 dự án, trong đó có 02 dự án xin điều chỉnh tăng vốn với tổng vốn tăng thêm là 2,661 triệu USD và 01 dự án xin điều chỉnh giảm 91,621 triệu USD trong tổng vốn đăng ký ban đầu; Cũng trong 9 tháng đầu năm, tỉnh cũng đã thu hồi/chấm dứt 04 dự án, có tổng vốn đăng ký là 1,565 triệu USD. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 61 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 1.624,079 triệu USD. Đối với đầu tư trong nước, tỉnh đã cấp mới giấy chứng nhận đầu tư cho 9 dự án (giảm 19 dự án so cùng kỳ) với tổng vốn đăng ký 6.165,96 tỷ đồng, giảm 38,47 so cùng kỳ, đồng thời cũng đã thu hồi 09 dự án.

Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 270 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 64.892,59 tỷ đồng.

3. Xây dựng

Giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành quý III/2021 ước thực hiện 1.591,752 tỷ đồng, giảm 38,54% so với cùng kỳ. Trong đó: giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 công trình nhà ở ước thực hiện 628,783 tỷ đồng, giảm 38,75% so với cùng kỳ; giá trị công trình nhà không ở ước đạt 193,693 tỷ đồng, giảm 46,75% so cùng kỳ; công trình kỹ thuật dân dụng ước đạt 171,174 tỷ đồng, giảm 45,10% so với cùng kỳ; hoạt động xây dựng chuyên dụng ước đạt 49,426 tỷ đồng, giảm 28,68% so cùng kỳ.

Tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành 9 tháng đầu năm 2021 ước thực hiện 6.592,37 tỷ đồng, giảm 10,10% so với cùng kỳ. Bao gồm: khu vực doanh nghiệp thực hiện 2.038,10 tỷ đồng, giảm 13,77%; khu vực xã/phường/thị trấn thực hiện 192,02 tỷ đồng, giảm 6,88%; khu vực hộ dân cư thực hiện 4.362,25 tỷ đồng, giảm 8,42%. Trong tổng giá trị sản xuất, giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà ở đạt 3.875,61 tỷ đồng, giảm 8,20%; công trình nhà không ở đạt 1.329,71 tỷ đồng, giảm 12,46%; công trình kỹ thuật dân dụng đạt 1.117,74 tỷ đồng, giảm 15,22%; hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 269,31 tỷ đồng, giảm 1,63%. Một số công trình trọng điểm được tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công như: Dự án ĐH.173 đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ huyện Châu Thành đến tượng đài tiểu đoàn 516. Dự án Nâng cấp ĐT.883 đoạn từ đường vào cầu Rạch Miễu đến cầu An Hóa (giai đoạn 2). Xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền các huyện biển Bình Đại - Ba Tri - Thạnh Phú đang triển khai thi công; triển khai Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cà; Dự án Tuyến đê dọc phường 8 Thành phố Bến Tre, Bờ kè cầu Cá lóc; Đề án Kiên cố hóa trường học như: trường THCS Thành phố Bến Tre, trường THCS Mỹ Hòa,... và các công trình giao thông, các trạm y tế xã nông thôn mới.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (DN), HỢP TÁC XÃ (HTX)

Các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên. Hoạt động tại Không gian Đổi mới sáng tạo Mekong (MIHUB) tiếp tục tập trung triển khai và có sự lan tỏa mạnh mẽ; MIHUB đã thu hút được 11 đơn vị, tổ chức đến làm việc tại không gian làm việc chung và đã trở thành một địa điểm đến đáng tin cậy của cộng đồng khởi nghiệp tỉnh, vừa là

không gian làm việc chung vừa là nơi kết nối giao lưu, họp mặt, triển khai các ý tưởng khởi nghiệp chung của tỉnh. Hỗ trợ 191 lượt cá nhân, DN khởi nghiệp, tổ chức về thủ tục hành chính, kết nối khởi nghiệp, tư vấn phát triển dự án, chuyển đổi từ hộ kinh doanh lên DN, thủ tục xin vay vốn từ Quỹ Đầu tư Khởi nghiệp và các Ngân hàng thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm cho DN; tiếp nhận và hỗ trợ 60 lượt sự kiện, hoạt động do Hội doanh nhân trẻ và các câu lạc bộ tổ chức; tiếp và hỗ trợ 420 lượt DN/dự án khởi nghiệp về các khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tính đến tháng báo cáo, toàn tỉnh có 293 DN đăng ký thành lập mới và 305 đơn vị trực thuộc thành lập mới với vốn đăng ký 4.624,7 tỷ đồng, đạt 45,78% kế hoạch, giảm 29,57% về số DN nhưng tổng vốn đăng ký tăng 54% so cùng kỳ; có 289 DN đăng ký thay đổi, giảm 32,79% so cùng kỳ; 149 DN tạm ngừng hoạt động, giảm 25,5% so cùng kỳ và 64 DN giải thể, giảm 28,89% so cùng kỳ.

Tình hình sản xuất kinh doanh, cung ứng hàng hóa của các DN bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 do phải thực hiện giãn cách xã hội; các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và nguồn cung ứng nguyên vật liệu, xuất nhập khẩu hàng hóa, công tác vận chuyển lưu thông bị hạn chế. Hầu hết các DN trên địa bàn tỉnh phải tạm ngừng hoạt động, chỉ một số ít DN đủ điều kiện thực hiện “03 tại chỗ” mới duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến người lao động bị mất việc làm do ngừng việc, tạm hoãn hợp đồng lao động thậm chí chấm dứt hợp đồng lao động làm ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống của người lao động. Tính đến ngày 15/9/2021, toàn tỉnh có 666 DN đang hoạt động, trong đó có 449 doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa thiết yếu, chiếm 74,9% trong tổng số lượng doanh nghiệp đang hoạt động. Số lượng doanh nghiệp hoạt động theo phương án “3 tại chỗ” là 167 doanh nghiệp, trong đó có 36 doanh nghiệp trong khu công nghiệp với 8.448 lao động tham gia hoạt động sản xuất.

Hoạt động của các hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác (THT) tiếp tục được củng cố; công tác theo dõi, quản lý, hỗ trợ và phối hợp triển khai các chính sách hỗ trợ của nhà nước về kinh tế tập thể ngày càng chặt chẽ và có bước cải thiện tốt. Tính đến tháng báo cáo, thành lập mới 01 HTX, lũy kế đến nay toàn tỉnh có 162 HTX, tổng vốn điều lệ 298,418 tỷ đồng, tổng số thành viên là 41.449 thành viên; đã thành lập mới 10 THT, nâng tổng số THT lên 1.396 THT, trong đó có 1.158 THT hoạt động theo Nghị định 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ. Do ảnh hưởng của tình hình dịch Covid-19 nhiều HTX và THT phải tạm ngừng hoạt động.

V. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Xâm nhập mặn xảy ra những tháng đầu năm, song do chủ động triển khai các giải pháp ứng phó nên không gây thiệt hại lớn cho cây trồng, vật nuôi. Tuy nhiên tác động của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và tiêu thụ nông sản, nhất là trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg; giá bán một số nông sản giảm mạnh, tiêu thụ chậm, đời sống người dân gặp khó khăn. Bên cạnh những khó khăn, trong kỳ báo cáo cũng có một số thuận lợi nhất định. Tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi không nghiêm trọng. Thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp, cây trồng vật nuôi tiếp tục chuyên đổi phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh nhằm khai thác lợi thế tiềm năng. Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển các vùng nuôi trọng điểm, mở rộng mô hình nuôi siêu thâm canh (tôm thẻ chân trắng) hiệu quả cao, hoạt động khai thác thủy hải sản từng bước khắc phục khó khăn tiếp tục duy trì và phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ.... Cụ thể kết quả sản xuất ở từng lĩnh vực như sau:

1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt

Cây lúa: Trong kỳ báo cáo, người trồng lúa trên địa bàn tỉnh tập trung chăm sóc và thu hoạch vụ lúa mùa, đông xuân và hè thu đồng thời đang chuẩn bị làm đất đến xuống giống vụ lúa thu đông. Tổng diện tích toàn tỉnh xuống giống được 26.070 ha, tăng 18,54% (tương ứng tăng 4.077 ha) so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do năm trước bị ảnh hưởng nặng của hạn mặn ở vụ đông xuân nên phần lớn diện tích người dân bỏ vụ, một số ít sản xuất cũng bị mất trắng. Tổng sản lượng lúa toàn tỉnh trong kỳ báo cáo đạt 116.729 tấn, tăng 97,67% (tương ứng tăng 57.677 tấn) so cùng kỳ. Ở vụ thu đông năm, các huyện đã xuống giống ước khoảng 772 ha, đạt 7,35% so kế hoạch. Phần lớn diện tích lúa đang trong giai đoạn mạ, thời tiết thuận lợi nên cây lúa phát triển tốt.

Cây rau các loại: Sản xuất rau màu không thuận lợi, quá trình tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tổng diện tích toàn tỉnh ước tính đến nay là 3.280 ha, chỉ đạt 95,40% (tương ứng giảm 158 ha) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do một số vùng trồng không chuyên canh, canh tác rau màu không hiệu quả nên bỏ vụ, chuyển sang trồng cỏ, cây lâu năm... Tổng sản lượng cây rau các loại toàn tỉnh trong 9 tháng ước đạt 67.392 tấn, tăng 03,74% (tương ứng tăng 2.427 tấn) so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do năng suất thu hoạch tăng.

Cây dứa: Tổng diện tích dứa toàn tỉnh ước 74.850 ha, chiếm 73,46% trong tổng diện tích cây lâu năm và tăng 2,87% (tương ứng tăng 2.086 ha) so cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, diện tích dứa tăng so cùng kỳ nguyên nhân là do một số diện tích cây trồng khác không hiệu quả hoặc không còn phù hợp với vùng canh tác được người dân chuyển sang trồng dứa vì cây dứa dễ trồng và ít tốn công cũng như chi phí chăm sóc. Tổng sản lượng dứa 9 tháng đầu năm toàn tỉnh ước tính được 498.384 tấn (tương đương 498.384 nghìn quả), tăng 1,02% (tương ứng tăng 5.042 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Tình hình sâu bệnh hại dứa diễn biến khá phức tạp, toàn tỉnh có 4.682 ha nhiễm bọ cánh cứng, tăng 25 ha so cùng kỳ, trong đó, diện tích nhiễm nhẹ 3.927 ha (tỷ lệ hại 13-15%), nhiễm trung bình 755 ha (tỷ lệ hại 25%). Tỉnh đã nhân nuôi tổng số 2.304 mummy nhộng ong ký sinh trên bọ cánh cứng hại dứa, phóng thích 1.150 mummy nhộng ra ngoài tự nhiên tại các huyện Mỏ Cày Bắc, Thành phố Bến Tre, Mỏ Cày Nam; phóng thích 300 con bọ đuôi kìm ở Châu Thành, Thành phố Bến Tre. Về tình sâu đầu đen gây hại trên dứa, toàn tỉnh đã có 625,55 ha nhiễm sâu đầu đen: Chợ Lách có 105,6 ha, Châu Thành 234,03 ha, Mỏ Cày Bắc 41,1 ha, Mỏ Cày Nam 90 ha, Bình Đại 129,72 ha, Thành phố Bến Tre 23,5 ha, Ba Tri 1,6 ha. Diện tích nhiễm nhẹ: 342,22 ha (15-20%), nhiễm trung bình 167,13 ha (25-30%) và nhiễm nặng 116,2 ha (42%). Ngành chức năng đã tích cực triển khai quyết liệt các biện pháp để dập dịch sâu đầu đen. Đến nay đã thực hiện phòng trừ sâu đầu đen với diện tích 339,9 ha với nhiều phương pháp khác nhau như phun thuốc trừ sâu sinh học gốc Emamectin benzoate, thả ong ký sinh nhộng sâu đầu đen *Brachymeria* sp. và OKS ấu trùng sâu đầu đen *Habrobracon hebetor* nhưng ưu tiên sử dụng biện pháp sinh học và những vùng thả ong ký sinh thì không phun thuốc trừ sâu; phun dầu ruồi lính đen và thả ong ký sinh mắt đỏ ở xã Phú Long, Định Trung, huyện Bình Đại;... Tính đến thời điểm hiện tại thì số lượng ong mắt đỏ được thả là 3.750.000 con và phun dầu với diện tích 53,07 ha. Theo đánh giá ban đầu thì dầu ruồi lính đen này tỏ ra có hiệu quả đối với sâu đầu đen từ 05 ngày say khi phun, loại dầu này làm sâu chán ăn và chết từ từ nhưng không ảnh hưởng đến động vật thủy sinh như cá, tôm.

Cây ăn trái: Diện tích trồng cây ăn trái giảm so với cùng kỳ, tuy nhiên sản lượng thu hoạch tăng do người dân chăm sóc hiệu quả. Tổng diện tích cây ăn trái toàn tỉnh ước 26.479 ha, chiếm 25,99% trong tổng diện tích cây lâu năm, giảm 4,96% so cùng kỳ năm trước. Tổng sản lượng trái cây các loại 9 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh ước đạt 243.479 tấn, tăng 0,46% so cùng kỳ năm trước, giảm chủ yếu ở nhóm cây: xoài, chanh, mít, sầu riêng... Tình hình dịch hại trên

cây ăn trái không đáng kể và có chiều hướng giảm so với cùng kỳ: sấu đục trái tại Chợ Lách, Giồng Trôm, Mỏ Cày Bắc và Châu Thành với diện tích nhiễm 25 ha, giảm 34 ha so cùng kỳ; diện tích nhãn nhiễm bệnh chổi rồng 25 ha tập trung ở Bình Đại, giảm 5 ha so cùng kỳ.

b. Chăn nuôi

Chăn nuôi bò, gia cầm phát triển ổn định, chăn nuôi lợn có nhiều chuyển biến so với cùng kỳ.

Tình hình chăn nuôi lợn trong kỳ báo cáo tương đối thuận lợi, đàn lợn đang trong quá trình phục hồi. Việc tái đàn tuy còn chậm nhưng cơ bản thuận lợi, nhiều hộ nuôi tập trung đầu tư lại đàn lợn nái và nuôi lợn thịt tự sản xuất. Một số hộ nhập con giống từ ngoài tỉnh nhưng không nhiều do giá cả còn quá cao. Tổng đàn lợn (tính cả lợn con chưa tách mẹ) toàn tỉnh hiện có 435.093 con, so cùng kỳ tăng 12,09% (tương ứng tăng 46.930 con). Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng trong quý III/2021 ước đạt 15.149 tấn, giảm 3,51% so cùng kỳ, lũy kế 9 tháng ước tính được 49.972 tấn, giảm 5,35% (tương ứng giảm 2.826 tấn) so với cùng kỳ.

Tổng đàn bò toàn tỉnh hiện có 234.719 con, tăng 3,99% (tương ứng tăng 9.009 con) so với cùng kỳ. Trong đó, đàn bò sữa của tỉnh hiện có 1.920 con, giảm 13,12% (tương ứng giảm 290 con) so với cùng kỳ. Ước tính sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng trong quý III/2021 ước 7.018 tấn, giảm 3,07%, lũy kế 9 tháng đạt 21.607 tấn, tăng 3,50% (tương ứng tăng 731 tấn) so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân, là do giá cả đầu ra ổn định, vì vậy người chăn nuôi vẫn duy trì và phát triển tổng đàn.

Tổng đàn gia cầm toàn tỉnh hiện có 8.165 nghìn con (không tính đàn chim cút, bồ câu), tăng 1,06% (tương ứng tăng 86 nghìn con) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong quý III/2021 ước đạt 9.696 tấn, giảm 0,25%, lũy kế 9 tháng ước tính được 31.452 tấn, tăng 3,16% (tương ứng tăng 962 tấn) so với cùng kỳ.

Về tình hình dịch bệnh: Trong 9 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 ổ dịch lở mồm long móng trên bò: Tại hộ chăn nuôi thuộc ấp Giồng Kiến, xã Phú Long, huyện Bình Đại; tổng số bò bệnh 03 con/tổng đàn 05 con; 02 ổ dịch bệnh dịch tả lợn Châu Phi: Tại xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam và xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại; tổng số lợn bệnh là 45 con, chết 20 con. Nhưng được phát hiện, kiểm soát và xử lý kịp thời nên không lây lan; ngoài ra trên địa bàn huyện Ba Tri đã xảy ra bệnh Viêm da nổi cục trên đàn bò với 04 con bệnh trên tổng đàn 09 con, tỉnh đang khẩn trương triển khai các giải pháp phòng, trị

bệnh không dễ lây lan trên diện rộng, do làm tốt công tác phòng chống dịch nên đến nay trên địa bàn tỉnh không phát sinh thêm ổ dịch mới.

2. Lâm nghiệp

Tình hình sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh trong 9 tháng đầu năm có biến động so cùng kỳ năm trước. Tình hình khai thác các sản phẩm lâm nghiệp diễn ra thường xuyên do người dân khai thác nhằm phục vụ nhu cầu trong việc xây cất, sửa chữa nhà ở, chuồng trại chăn nuôi. Công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCC rừng trong mùa khô được tập trung thực hiện. Trong 9 tháng đầu năm, phát hiện và xử lý 11 vụ lấn chiếm đất rừng với diện tích 2.089 m², tăng 01 vụ so cùng kỳ. Các ngành chức năng đã lập biên bản và ra quyết định xử phạt, bắt tháo dỡ và cam kết không tái phạm.

3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản thu hoạch trong quý III/2021 ước đạt 126.105 tấn, giảm 5,5% so cùng kỳ, lũy kế 9 tháng đầu năm đạt 378.837 tấn, giảm 2,93% (tương ứng giảm 11.440 tấn) so với cùng kỳ năm trước.

a. Nuôi thủy sản

Nuôi cá tra thâm canh tiếp tục gặp khó khăn, giá cá tra thương phẩm giảm thấp, hiện tại cá nuôi đang trong giai đoạn thu hoạch còn khá nhiều. Nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao phát triển tốt, sản lượng cao, tuy nhiên trong thời gian báo cáo do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm cho giá tôm nguyên liệu giảm ở mức rất thấp, giảm từ 10-30% so với quý II/2021 làm cho nhiều hộ nuôi gặp rất nhiều khó khăn. Tổng sản lượng thủy sản nuôi thu hoạch trong quý III ước đạt 62.595 tấn, giảm 8,99% so với cùng kỳ năm trước, lũy kế 9 tháng đầu năm ước đạt 199.285 tấn, so cùng kỳ 5,17%. Tình hình cụ thể đối với từng loại thủy sản như sau:

Nuôi tôm: Diện tích nuôi tôm sú trong kỳ báo cáo ước tính khoảng 25.072 ha, tăng 0,93% (tương ứng tăng 231 ha) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng tôm sú thu hoạch trong 9 tháng ước đạt 1.681 tấn, giảm 12,77% (tương ứng giảm 246 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng trong kỳ báo cáo ước tính khoảng 6.952 ha, tất cả đều là diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh; so với cùng kỳ năm trước giảm 7%. Sản lượng tôm thu hoạch trong 9 tháng ước đạt 46.954 tấn, giảm 1,18% (tương ứng giảm 561 tấn) so cùng kỳ năm trước.

Tình hình thiệt hại trong 9 tháng đầu năm: Lũy kế đến thời điểm báo cáo đã có 352,23 ha tôm biển nuôi thâm canh, bán thâm canh bị thiệt hại bao gồm:

tôm thẻ 349,38 ha và 2,85 ha tôm sú. Nguyên nhân thiệt hại chủ yếu do bệnh đốm trắng 224,18 ha, hoại tử cơ quan tạo máu và biểu mô 128,05 ha.

Nuôi cá tra thâm canh: Trong kỳ báo cáo, diện tích nuôi cá tra thâm canh là 591 ha, so với cùng kỳ năm trước giảm 10,32% (tương ứng giảm 68 ha). Sản lượng cá thu hoạch trong 9 tháng ước đạt 121.935 tấn, giảm 5,45% (tương ứng giảm 7.035 tấn) so với cùng kỳ năm trước.

Thủy sản nuôi khác chủ yếu là nghêu, sò và hào. Trong 9 tháng đầu năm 2021, sản lượng thủy sản khác thu được là 16.024 tấn, giảm 10,94% so với cùng kỳ năm trước.

b. Khai thác thủy sản

Toàn tỉnh hiện có 3.882 tàu cá đã đăng ký với tổng công suất là 984.865KW, bình quân là 253 KW/chiếc; trong đó, tàu có chiều dài từ 15 mét trở lên là 2.146 tàu, với tổng công suất 924.807KW, bình quân là 430KW. Sản lượng khai thác thủy sản trong quý III ước đạt 63.510 tấn, so cùng kỳ giảm 1,79%, lũy kế 9 tháng ước đạt 179.552 tấn, giảm 0,32% (tương ứng giảm 584 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân sản lượng đánh bắt giảm là do ảnh hưởng dịch Covid-19 và thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg nên nhiều hộ không ra khơi.

VI. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Nhìn chung, tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị giảm mạnh do ảnh hưởng chung của đại dịch Covid-19. Nguyên nhân: trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trong nước cũng như trên địa bàn tỉnh. Tỉnh Bến Tre thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ từ ngày 19/7/2021 đến ngày 10/9/2021, nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh tạm dừng hoạt động để đảm bảo công tác phòng chống dịch. Những doanh nghiệp đủ điều kiện thực hiện quy trình khép kín theo phương châm 3 tại chỗ 1 cung đường 2 điểm đến, mới được tiếp tục duy trì sản xuất để đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động cũng như đảm bảo tiến độ sản xuất của công ty. Tính đến ngày 31/8/2021 toàn tỉnh có khoảng 180 doanh nghiệp thực hiện sản xuất 3 tại chỗ. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn đối với hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa ở một số nước có dịch bệnh, sức tiêu thụ trên thị trường phục hồi chậm.

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp quý III giảm 45,70% so quý trước và giảm 44,79% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp khai khoáng 68,51% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số phát triển sản xuất công

nghiệp chế biến, chế tạo giảm 46,70% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước giảm 5,62% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 11,53% so cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp giảm 11,20% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp khai thác mỏ giảm 28,83% so cùng kỳ năm trước; Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp chế biến giảm 12,37% so cùng kỳ năm trước; Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước giảm 27,28% cùng kỳ năm trước. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 2,89% so cùng kỳ năm trước. Một số sản phẩm chủ yếu của tỉnh so cùng kỳ năm trước: Cá phi lê giảm 44,78% so cùng kỳ năm trước; Cơm dừa nạo sấy giảm 7,81% so cùng kỳ; Thuốc lá có đầu lọc tăng 41,62% so cùng kỳ năm trước; Bộ quần áo thể thao giảm 14,18% so cùng kỳ năm trước; Túi xách giảm 25,80% so cùng kỳ năm trước; Giày giảm 4,16% so cùng kỳ năm trước; Giấy và bìa khác tăng 8,81% so cùng kỳ năm trước; Thùng hộp bằng bìa cứng tăng 16,08% so cùng kỳ năm trước; Bộ dây điện dùng cho xe hơi giảm 13% so cùng kỳ năm trước; Điện thương phẩm tăng 7,99% so cùng kỳ năm trước; Phân phối nước giảm 2,53% so cùng kỳ năm trước.

Chỉ số tiêu thụ 9 tháng đầu năm giảm 8,56% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Sản xuất chế biến thực phẩm giảm 15,13%. Sản xuất đồ uống giảm 5,71%. Sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 65,42%. Dệt giảm 12,42%. Sản xuất trang phục giảm 12,26%. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 16,47%. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 10,55%. Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 17,26%. Sản xuất xe có động cơ giảm 9,43%. Chỉ số tồn kho tháng 9 giảm 27,22% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Sản xuất chế biến thực phẩm giảm 45,05%. Sản xuất đồ uống tăng 18,17%. Sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 81,09%. Dệt giảm 51,13%. Sản xuất trang phục tăng 26,46%. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 38,21%. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy giảm 14,31%. Sản xuất xe có động cơ giảm 94,42% so cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sử dụng lao động (chỉ tính cho khu vực doanh nghiệp) giảm 16,69% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước tăng 3,28% so cùng kỳ năm trước; Doanh nghiệp ngoài quốc doanh giảm 19,35% cùng kỳ năm trước; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 17,14% so cùng kỳ năm

trước. Hầu hết các doanh nghiệp (doanh nghiệp ngoài nhà nước) gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19 tình hình sản xuất chưa ổn định, thiếu đơn đặt hàng, một số doanh nghiệp phải giảm bớt lao động.

VII. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

Trong quý III, tình hình cung ứng hàng hóa của các doanh nghiệp đầu mối trên địa bàn tỉnh đảm bảo đáp ứng nhu cầu về tiêu dùng thiết yếu cho người dân. Tuy nhiên, có lúc, có nơi còn xảy ra tình trạng thiếu hàng cục bộ. Vấn đề này được các sở, ngành, địa phương thống nhất cách tháo gỡ, giúp việc chuyên chở, giao nhận hàng cho người dân được thông suốt, thuận lợi trong thời gian tới. Tuy nhiên, do tác động của dịch Covid-19 nên các hoạt động thương mại, dịch vụ một số thời điểm bị ngưng trệ; nhiều ngành kinh tế liên quan tới dịch vụ như ăn uống, vui chơi, giải trí bị ảnh hưởng đáng kể.

1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa

Trong tháng thời gian qua, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế, đảm bảo cung ứng hàng hóa phục vụ nhu cầu thiết yếu cho nhân dân. Tuy nhiên, do tình hình dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp, nhất là thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh nên hoạt động thương mại, dịch vụ giảm mạnh so với thời gian trước; Hoạt động du lịch chịu ảnh hưởng nặng nề. Để đảm bảo thực hiện đạt mục tiêu kép theo tinh thần Nghị quyết số 86/NQ-CP của Chính phủ nhằm sớm kiểm soát dịch bệnh và thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết năm 2021 của tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu các cấp ngành, địa phương tập trung triển khai Nghị quyết HĐND tỉnh về phòng chống dịch Covid-19 gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội những tháng cuối năm sau thời gian giãn cách xã hội, phấn đấu đạt cao nhất các chỉ tiêu năm 2021 đã đề ra. Tập trung triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại; hỗ trợ đưa sản phẩm của doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá trên sàn thương mại điện tử “Đặc sản Bến Tre”. Khảo sát nắm tình hình và hướng dẫn các cơ sở, điểm du lịch chuẩn bị hoạt động trở lại... Tổng mức bán lẻ hàng hóa trong quý III năm 2021 ước thực hiện 8.507,9 tỷ đồng, giảm 20,82% (quý I là 11.813,8 tỷ đồng, tăng 14,91%, quý II 11.217,9 tỷ đồng tăng 18,05%) so với cùng kỳ năm trước.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá 9 tháng thực hiện đạt 31.539,7 tỷ đồng, tăng 3,22% so cùng kỳ năm trước. Trong doanh thu của các nhóm bán lẻ, có 4 nhóm có doanh thu chiếm tỷ trọng cao: nhóm lương thực thực phẩm đạt 14.064 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 44,58%, tăng 8,35% so cùng kỳ; kế đến là

nhóm gỗ và vật liệu xây dựng đạt 4.795,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 15,2%, giảm 2,62% so cùng kỳ; nhóm xăng dầu các loại đạt 3.117,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 9,89%, tăng 1,21% so cùng kỳ, và tiếp đến là nhóm đồ dùng trang thiết bị gia đình đạt doanh thu 2.199 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 6,97%, giảm 12,36% so cùng kỳ; các nhóm hàng còn lại doanh thu chiếm tỷ trọng thấp: nhóm hàng may mặc chiếm 3,34%; nhóm vật phẩm văn hóa giáo dục chiếm 0,7%; nhóm hàng hóa khác chiếm 3,3%, nhóm sửa phương tiện đi lại chiếm 1,42%...

2. Doanh thu lưu trú, ăn uống

Hoạt động lưu trú tiếp tục chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19, doanh thu lưu trú, ăn uống quý III/2021 giảm so thực hiện trong quý trước do các cơ sở dịch vụ ăn uống tạm ngưng hoạt động, ước thực hiện đạt 315,92 tỷ đồng, giảm 76,29 % so quý trước, so cùng kỳ giảm 79,38%. Lũy kế 9 tháng năm 2021 doanh thu của hoạt động lưu trú, ăn uống, đạt khoảng 3.227,55 tỷ đồng giảm 13,63% so cùng kỳ.

3. Hoạt động du lịch lữ hành

Quý III/2021 do hưởng tình hình dịch Covid 19 nên không phát sinh lượt khách du lịch nên không phát sinh doanh thu. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, Doanh thu từ du lịch lữ hành đạt 21,34 tỷ đồng, giảm 52,18% so với cùng kỳ năm trước.

4. Doanh thu ngành dịch vụ khác

Quý III/2021 doanh thu nhóm dịch vụ khác đạt 283,12 tỷ đồng, giảm 69,53 so thực hiện quý trước và giảm 66,80% so cùng kỳ, nguyên nhân do tình hình dịch bệnh diễn ra từ tháng 7/2021 đến nay. Lũy kế 9 tháng năm 2021 doanh thu dịch vụ khác đạt 2.084,32 tỷ đồng, giảm 9,04% so cùng kỳ.

5. Giao thông vận tải

Hoạt động vận tải gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19, phải tạm dừng hoạt động đối với tất cả các loại hình vận tải hành khách và tất cả các bến phà, bến khách ngang sông theo quy định; chỉ còn hoạt động vận tải ưu tiên phục vụ cho việc cung ứng hàng hóa, vận chuyển, lưu thông hàng hóa thiết yếu, lương thực, thực phẩm cho các địa phương, khu vực dân cư, đáp ứng nhu cầu đời sống người dân trong vùng có dịch.

Vận chuyển hành khách trong quý III ước 0,87 triệu hành khách, so với cùng kỳ năm trước giảm 88,39%; luân chuyển hành khách ước 2,5 triệu hành khách.km giảm 99,40%. Lũy kế 9 tháng đầu năm khối lượng hành khách vận chuyển ước 5,92 triệu hành khách, so với cùng kỳ năm trước giảm 64,14%;

luân chuyển hành khách ước 447,5 triệu hành khách.km giảm 59,76% so với cùng kỳ năm trước.

Khối lượng hàng hóa vận chuyển trong quý III ước 348 nghìn tấn, so với cùng kỳ năm trước giảm 87,23%, luân chuyển hàng hóa ước 101 triệu tấn.km giảm 66,87% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm, vận chuyển hàng hóa ước thực hiện 3,51 triệu tấn, so cùng kỳ giảm 52,42%; luân chuyển hàng hóa 665,1 triệu tấn.km so cùng kỳ năm trước giảm 27,78%.

Doanh thu hoạt động vận tải quý III ước 165,14 tỷ đồng, giảm 70,77% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu vận tải hành khách ước đạt 28,01 tỷ đồng, giảm 90,28%; doanh thu vận tải hàng hoá đạt 123,09 tỷ đồng, giảm 41,84%; doanh thu dịch vụ hỗ trợ đạt 14,04 tỷ đồng, giảm 78,41%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu vận tải ước đạt 1.234,84 tỷ đồng, giảm 55,62% so với cùng kỳ, trong đó vận tải hành khách ước đạt doanh thu 569,83 tỷ đồng, giảm 61,19%; vận tải hàng hóa đạt doanh thu 521,04 tỷ đồng, giảm 53,32%; doanh thu kho bãi và dịch vụ hỗ trợ 143,98 tỷ đồng, giảm 27,32% so với cùng kỳ năm trước.

6. Bưu chính viễn thông

Hoạt động bưu chính, viễn thông tiếp tục phát triển và ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu về thông tin liên lạc của các cơ quan quản lý Nhà nước, người dân và doanh nghiệp. Toàn tỉnh hiện có 186 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông. Sản lượng dịch vụ thư trong 9 tháng đầu năm là 182.499 thư, sản lượng dịch vụ gói, kiện hàng hóa là 1.805.111 kiện, tổng doanh thu dịch vụ bưu chính là 52,2 tỷ đồng. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bến Tre có 07 doanh nghiệp viễn thông đang hoạt động. Tổng số trạm BTS của toàn tỉnh là 1.472 trạm. Tổng số thuê bao điện thoại có trên mạng là 1.626.470 thuê bao, trong đó: điện thoại cố định có 29.433 thuê bao, điện thoại di động trả trước có 1.508.360 thuê bao; điện thoại di động trả sau có 88.677 thuê bao. Toàn tỉnh có 80 đại lý internet với tổng số thuê bao internet băng rộng di động là 809,8 nghìn thuê bao và 213,2 nghìn thuê bao băng rộng cố định. Thuê bao truyền hình trả tiền là 110,5 nghìn thuê bao. Tổng doanh thu dịch vụ viễn thông: 1.204,9 tỷ đồng.

VIII. KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Hoạt động KH&CN đạt nhiều kết quả, một số nhiệm vụ trọng tâm cấp tỉnh có tính ứng dụng cao, các nhiệm vụ khoa học công nghệ được tập trung đẩy nhanh tiến độ. Hướng dẫn, hỗ trợ ươm tạo và xúc tiến thành lập 10 doanh nghiệp KH&CN: Công ty Cổ phần Đầu tư dừa; Công ty TNHH Nhiên liệu xanh Tấn

Lê; Công ty cổ phần Thực mỹ phẩm Vfarm; Công ty TNHH Kinh doanh XNK Tổng hợp và Dịch vụ FATACO; Công ty TNHH Escoco Việt Nam; Công ty TNHH QT Hải sản xanh; Công ty Lương thực Bến Tre; Công ty TNHH Dừa Cười; Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam - Chi nhánh sản xuất kinh doanh thức ăn thủy sản (Bến Tre); Cty TNHH MTV Vĩnh Thanh. Bộ KH&CN đã phê duyệt 02 đề tài cấp quốc gia: “Nghiên cứu xây dựng hệ thống xử lý nước nhiễm mặn có ứng dụng IoT để cấp nước sinh hoạt cho người dân vùng bị xâm nhập mặn tỉnh Bến Tre và một số tỉnh lân cận” và “Nghiên cứu chế tạo đầu dò đo độ mặn bằng vật liệu nano và tích hợp thành hệ thống cảnh báo xâm nhập mặn tự động ứng dụng tại Bến Tre và vùng phụ cận”. Tỉnh đang trình Bộ KH&CN xem xét 03 dự án và 01 dự án cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách cấp quốc gia. Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “CUA BIỂN BẾN TRE - BEN TRE SEA CRAB”; hướng dẫn sử dụng mẫu logo, tem, nhãn và dấu hiệu khác có chứa chỉ dẫn địa lý “CÁI MƠN” cho sản phẩm sàu riêng Bến Tre. Thực hiện thanh, kiểm tra về nhãn, chất lượng hàng hóa và đo lường tại 72 cơ sở, phát hiện và xử lý 8 cơ sở vi phạm, tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính và thu lợi bất hợp pháp là 150 triệu đồng.

IX. CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (NTM)

Công tác xây dựng NTM tiếp tục được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện; tỉnh đã ban hành hướng dẫn trình tự lập và phê duyệt Đề án huyện NTM, huyện NTM nâng cao. Phong trào “Ngày Chủ nhật nông thôn mới” tiếp tục được duy trì với các chủ đề đa dạng, góp phần nâng cao kết quả xây dựng NTM, tuy nhiên trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, từ tháng 6/2021, hoạt động này đã tạm hoãn. Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện các tiêu chí NTM chậm tiến độ, đặc biệt các công trình, dự án trên địa bàn các xã. Trong Quý III, tỉnh không có xã được công nhận đạt chuẩn NTM và NTM nâng cao. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 58 xã đạt 19 tiêu chí (đã công nhận đạt chuẩn NTM), 38 xã đạt 15-18 tiêu chí, 46 xã đạt 10-14 tiêu chí, không có xã dưới 10 tiêu chí; trung bình đạt tiêu chí trên xã là 15,92 tiêu chí. Tỉnh có 1 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, huyện Chợ Lách đạt chuẩn NTM và thành phố Bến Tre hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

X. CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm tỉnh Bến Tre đạt được nhiều kết quả tích cực, song cũng có nhiều khó khăn thách thức. Tác động tiêu cực của

dịch Covid-19, nhất là làn sóng dịch bệnh bùng phát lần thứ 4 tại nước ta, đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển của tỉnh, hầu hết các hoạt động kinh tế - xã hội ngưng trệ, sản xuất sụt giảm so cùng kỳ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

1. Lao động, việc làm và đời sống dân cư

a. Đời sống cán bộ, công nhân viên chức người lao động hưởng lương

Công tác quản lý lao động trong các doanh nghiệp được thực hiện khá tốt, giải quyết kịp thời các chế độ chính sách về tiền lương, BHXH, BHTN đối với người lao động trong các doanh nghiệp. Sáu tháng đầu năm, nhìn chung các doanh nghiệp đều trả lương cho người lao động bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu vùng; tỷ lệ lao động trong doanh nghiệp tham gia BHXH, BHTN đạt 69,99%, giảm 2,84% so cùng kỳ; tiếp nhận 6.266 hồ sơ đăng ký trợ cấp thất nghiệp, đã có 5.245 lao động nhận trợ cấp thất nghiệp, kinh phí 16,13 tỷ đồng.

Nhìn chung, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện chế độ tiền lương đối với người lao động đúng theo quy định, đảm bảo bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định. Cụ thể: Tiền lương bình quân trả cho người lao động làm việc tại các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước là 13,60 triệu đồng/người/tháng; các doanh nghiệp cổ phần, có vốn góp của nhà nước tiền lương bình quân trả cho người lao động là 7,45 triệu đồng/người/tháng; các doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tiền lương bình quân trả cho người lao động là 7,50 triệu đồng/người/tháng.

Kế hoạch thưởng tết cho người lao động năm 2021, được các doanh nghiệp quan tâm. Nhiều doanh nghiệp đưa ra mức thưởng bằng 1 tháng lương. Qua báo cáo khảo sát tại 128 doanh nghiệp, mức thưởng bình quân là 4,6 triệu đồng, cao hơn mức thưởng bình quân năm 2020 là 772.000 đồng (*mức thưởng bình quân năm 2020 là 3.841.000 đồng*).

Mức tiền thưởng cao nhất năm 2021 ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 132,84 triệu đồng; kế đến là doanh nghiệp dân doanh, với mức thưởng cao nhất là 105 triệu đồng; công ty 100% vốn nhà nước là 20 triệu đồng; công ty cổ phần có vốn góp nhà nước 11 triệu đồng. Tiền thưởng cao nhất tập trung ở các chức danh lãnh đạo trong doanh nghiệp.

b. Thực trạng đời sống dân cư nông thôn

Trong quý III năm 2021, dưới tác động tiêu cực của dịch Covid-19 đã làm cho chỉ số giá sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm so thực hiện trong quý trước, chỉ số giá chung của nhóm hàng nông lâm thủy sản giảm 6,1%

quý trước; so cùng kỳ giảm 1,71%; so với kỳ gốc năm 2015 tăng 14,41%. Trong quý III/2021 tình hình dịch Covid-19 kéo dài và diễn biến rất phức tạp, nên đã ảnh hưởng nhiều đến tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động dịch vụ... trong đó có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh, công tác tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của người dân bị ảnh hưởng, nhiều nhóm sản phẩm nông, lâm, thủy sản đến vụ thu hoạch nhưng không có thương lái đến mua, các cơ sở sản xuất kinh doanh, công ty, doanh nghiệp tạm ngưng đóng cửa, thời gian đầu cũng có một ít công ty hoạt động chế biến nhóm lương thực, thực phẩm thực hiện ba tại chỗ, tuy nhiên số lượng không nhiều. Nhiều hoạt động lĩnh vực thương mại, dịch vụ, các nhà hàng, quán ăn người dân cũng đóng cửa, nhu cầu tiêu dùng ở nhóm dịch vụ ăn uống, du lịch giảm mạnh nên có ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, do vậy đời sống của bà con nông dân còn gặp rất nhiều khó khăn.

c. Tư vấn giới thiệu việc làm và giải quyết việc làm

Tư vấn việc làm, nghề nghiệp và tuyên truyền người lao động đi làm việc ở nước ngoài 15.309 lượt người; tổ chức 25 phiên giao dịch việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Bến Tre vào thứ sáu hàng tuần, với mô hình cà phê việc làm, 04 phiên tại các huyện và phiên trực tuyến kết nối 4 tỉnh. Kết quả, có 205 lượt doanh nghiệp và 1.879 lượt lao động tham gia. Trong 9 tháng đầu năm, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm 11.357 lao động, đạt 56,88% KH năm. Trong đó, có 367 lao động trúng tuyển đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên chỉ đưa được 255 người xuất cảnh, đạt 17% kế hoạch và giảm 47,5% so với cùng kỳ.

d. Công tác đào tạo nghề

Tổ chức Ngày hội tư vấn tuyển sinh năm 2021 tại tất cả các huyện, thành phố, có trên 3.000 học sinh tham dự; xây dựng và phát hành 18.000 tờ thông tin tuyên truyền giáo dục nghề nghiệp. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tuyển sinh và đào tạo 1.072 người, đạt 9,75% KH năm, giảm 81% so với cùng kỳ. Trong đó, cao đẳng là 116 người, trung cấp là 167 người, sơ cấp và đào tạo thường xuyên 789 người. Qua đó, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo là 61,5%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 31,37%.

Triển khai cho các trường và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác đào tạo gắn với doanh nghiệp. Hàng tháng, tổ chức các phiên giao dịch việc làm luân phiên tại các huyện, thành phố và Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, trong đó gắn kết giữa cơ

sở đào tạo và doanh nghiệp. Kết quả, đã có 13/14 cơ sở giáo dục nghề nghiệp hợp tác với doanh nghiệp (tỷ lệ 92,86%), với các hình thức thực tập, thực hành tại doanh nghiệp; tuyển dụng lao động sau tốt nghiệp; tham gia xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo; tham gia giảng dạy (dạy nghề và ngoại ngữ).

2. Công tác an sinh xã hội

a. Chính sách người có công

Công tác chăm lo đời sống người có công với cách mạng được tập trung thực hiện, giải quyết đúng, đủ, kịp thời trợ cấp ưu đãi hàng tháng 21.061 người có công với cách mạng, kinh phí trên 38 tỷ đồng/tháng; tiếp nhận mới và giải quyết 1.897 hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách ưu đãi người có công; giải quyết chế độ điều dưỡng tại gia đình 7.372 người có công; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, thăm, tặng 70.347 suất quà Tết cho gia đình chính sách người có công với cách mạng, kinh phí trên 22,3 tỷ đồng; triển khai chi trả trợ cấp ưu đãi người có công qua hệ thống Bưu điện; tổ chức kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 7/7/2021), nhân dịp 27/7 toàn tỉnh đã tặng 51.642 suất quà cho gia đình chính sách người có công với cách mạng, kinh phí trên 15,4 tỷ đồng; vận động kinh phí xây dựng mới 232 căn nhà tình nghĩa, kinh phí 15,8 tỷ đồng; tiếp tục triển khai kế hoạch hỗ trợ hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh; các nghĩa trang liệt sĩ trong toàn tỉnh đảm bảo trang nghiêm, sạch đẹp phục vụ tốt cho các cấp, các ngành và thân nhân đến thắp hương, tưởng niệm liệt sĩ trong các dịp lễ, tết.

b. Bảo trợ xã hội

Công tác xóa đói giảm nghèo: Ngày 15 tháng 5 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre phê duyệt hộ nghèo hộ cận nghèo đến cuối quý 1 năm 2021, toàn tỉnh Bến Tre có 14.218 hộ nghèo, tỷ lệ 3,58%, trong đó hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập là 10.481 hộ, hộ nghèo thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản là 3.737 hộ. Tổng số nhân khẩu hộ nghèo là 41.493 người, trong đó nhân khẩu hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập là 29.785 người, nhân khẩu hộ nghèo thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản là 11.708 người.

Tập trung huy động nguồn lực và triển khai thực hiện các dự án chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, an sinh xã hội bền vững năm 2021. Trong đó, đã hỗ trợ mua 100% mệnh giá thẻ BHYT cho người nghèo và người dân tại các xã bãi ngang ven biển và 27.490 thẻ BHYT cho hộ cận nghèo (tỷ lệ 51,45% so với tổng số nhân khẩu hộ cận nghèo), tổng kinh phí 92,13 tỷ đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội đã hỗ trợ 13.367 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo để phát

triển sản xuất, cải thiện sinh kế, nước sạch và vệ sinh môi trường, tổng kinh phí 523 tỷ đồng.v.v.. hỗ trợ tiền điện cho 1.460 hộ chính sách xã hội; hỗ trợ 100 hộ nghèo khó khăn nhà ở do Ngân hàng TMCP Công thương tài trợ; trong dịp Tết Nguyên đán, toàn tỉnh đã trao tặng 67.906 suất quà tặng hộ nghèo, hộ cận nghèo, trị giá 23,4 tỷ đồng, nhìn chung 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đều có quà tết, kinh phí chủ yếu từ xã hội hóa; trợ cấp hàng 57.462 đối tượng bảo trợ xã hội, kinh phí trên 16 tỷ đồng/tháng.v.v...Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh năm 2021.

Công tác bảo trợ xã hội: Giải quyết trợ cấp mới 1.827 trường hợp bảo trợ xã hội, nâng tổng số đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng lên 57.462 trường hợp, kinh phí trên 16 tỷ đồng/tháng; các cơ sở bảo trợ xã hội công lập thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc 525 đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó: có 210 trẻ em mồ côi bị bỏ rơi, 62 người cao tuổi, 201 người bệnh tâm thần; tổ chức thăm và trao thiệp mừng thọ của Chủ tịch nước cho 98 người tròn 100 tuổi nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021.

Công tác chăm lo các đối tượng trong dịp Tết Nguyên đán: trong dịp Tết, các cấp, các ngành, đoàn thể và doanh nghiệp đã tổ chức thăm hỏi, động viên, chúc Tết các bậc lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình người có công với cách mạng, các đối tượng chính sách... bảo đảm Tết đến với mọi người và mọi nhà. Từ nguồn ngân sách, xã hội hóa toàn tỉnh đã tổ chức tặng 70.347 suất quà cho đối tượng chính sách, với tổng kinh phí trên 22 tỷ đồng, gồm: Quà của Chủ tịch Nước 39.357 suất, kinh phí trên 11,99 tỷ đồng; quà từ ngân sách tỉnh là 7.685 suất, kinh phí trên 2,63 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện 396 suất, kinh phí khoảng 0,19 tỷ đồng; ngân sách cấp xã 3.893 suất, kinh phí khoảng 0,56 tỷ đồng; vận động xã hội hóa 19.016 phần quà tặng gia đình chính sách với kinh phí khoảng 6,94 tỷ đồng. Riêng 100% Bà mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống đều được thăm hỏi, tặng quà đầy đủ. Ngoài ra, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp đã trao tặng 67.906 suất quà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng bảo trợ xã hội đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội và các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, tổng trị giá khoảng 23,49 tỷ đồng. Tất cả quà, tiền quyên góp, vận động đều được chuyển đến các đối tượng thụ hưởng kịp thời, đúng quy định, tạo không khí vui tươi, phấn khởi, áp áp nghĩa tình trong những

ngày đầu năm mới, trong đó 100% gia đình chính sách khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo đều có quà Tết.

Công tác phòng chống tệ nạn xã hội: Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả triển khai 04 Điểm cai nghiện ma túy tại cộng đồng và triển khai Kế hoạch tổ chức cai nghiện ma túy tại các Điểm cai nghiện ma túy tại cộng đồng giai đoạn 2021-2025; triển khai kế hoạch công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện; công tác phòng, chống mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán năm 2021.

c. Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới: Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em: Đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2030; ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác trẻ em, phòng chống xâm hại trẻ em; tổ chức 18 lớp tập huấn, truyền thông về kỹ năng phòng ngừa nguy cơ, tự bảo vệ cho trẻ em là học sinh Tiểu học, THCS tại các huyện, có 1.800 học sinh tham dự; vận động xã hội hóa trên 1,36 tỷ đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho 268 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tỉnh Bến Tre, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2021; tổ chức 12 lớp tập huấn, truyền thông chính sách pháp luật về bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh THCS trên địa bàn tỉnh, có 1.380 học sinh tham dự.

3. Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh

a. Tác động của dịch Covid-19 đến tình hình sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tỉnh phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và nguồn cung ứng nguyên vật liệu, xuất nhập khẩu hàng hóa, công tác vận chuyển lưu thông bị hạn chế. Chỉ một số ít doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đủ điều kiện thực hiện “03 tại chỗ” để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến người lao động bị mất việc làm do ngừng việc, tạm hoãn

hợp đồng lao động thậm chí chấm dứt hợp đồng lao động làm ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống của người lao động.

Tác động đến doanh nghiệp: Tổng số doanh nghiệp tạm dừng hoạt động trên địa bàn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 là gần 2 nghìn doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bị ảnh hưởng hoạt động chủ yếu hầu hết các lĩnh vực, ngành nghề như: du lịch, dịch vụ ăn uống (nhà hàng, khách sạn, quán ăn), sản xuất các sản phẩm từ da, giày da, may mặc, lắp ráp linh kiện điện tử...

Tác động của dịch Covid-19 đến hộ kinh doanh, hợp tác xã: Đa số hộ kinh doanh và hợp tác xã tạm dừng hoạt động do tình hình dịch Covid-19. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đang thực hiện rà soát chi hỗ trợ người lao động và hộ kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, các huyện, thành phố đã rà soát 4.120 hộ kinh doanh đủ điều kiện để hỗ trợ.

Tác động đến lao động phi chính thức (lao động tự do, không có giao kết hợp đồng lao động): Đối tượng lao động tự do, không có giao kết hợp đồng lao động là những người lao động dễ bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19, qua rà soát toàn tỉnh có khoảng 334.379 người lao động tự do, không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

Tác động đến đời sống hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng và những hộ khó khăn khác: Toàn tỉnh có 58.271 hộ gia đình, với 160.551 nhân khẩu là hộ nghèo, hộ cận người, hộ thuộc diện bảo trợ xã hội và những hộ khó khăn khác bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

b. Vận động, huy động nguồn lực xã hội

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Tỉnh đoàn; Hội Cựu chiến binh; Hội Chữ thập đỏ; Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo tỉnh đã tiếp nhận tổng số tiền mặt là 67.310 triệu đồng, lương thực, thực phẩm trị giá 28.899 triệu đồng, trong đó là 2.528 tấn gạo; vật dụng y tế 11.700 triệu đồng; khác là nhu yếu phẩm có giá trị khoảng 17.086 triệu đồng; nhân lực bổ sung, hỗ trợ, viện trợ phòng chống dịch là 5.199 lượt người; số cơ sở y tế dã chiến bổ sung phòng chống dịch 4 bệnh viện, với tổng số 1.500 giường và số lượng y bác sĩ tại các bệnh viện dã chiến là 833 người.

c. Tình hình hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động, hộ sản xuất kinh

doanh, hỗ trợ người dân gặp khó khăn.

Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội: Các siêu thị, cửa hàng tiện lợi cơ bản bảo đảm cung cấp đầy đủ các mặt hàng thiết yếu, có niêm yết giá bán; tình hình giá cả tương đối ổn định; các chợ truyền thống hoạt động ổn định, cung cấp đầy đủ các mặt hàng rau củ, thịt, trứng, gạo,...; tiểu thương tại các chợ thực hiện nghiêm các quy định phòng chống dịch, thực hiện niêm yết giá đối hàng hóa theo quy định.

Các sở, ngành chuyên môn cấp mã QR Code cho các shipper; xe tải vận chuyển hàng hóa để đảm bảo thuận tiện lưu thông, kịp thời cung ứng hàng hóa đáp ứng nhu cầu của người dân, nhất là các mặt hàng thiết yếu. Tổng hợp thông tin doanh nghiệp và tình hình thị trường, thông tin hàng hóa, dự báo thị trường, cơ hội kinh doanh thông tin qua website, hệ thống internet, nhóm Zalo doanh nghiệp... kịp thời kết nối, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, tiến hành hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử như Tiki, Shopee, Sendo, Lazada... Tổ chức xúc tiến thương mại trực tuyến, đẩy mạnh thanh toán điện tử.

Tỉnh duy trì nhiều mô hình cung cấp hàng hóa thiết yếu cho nhân dân: Bán nông sản và giao tận nơi của hệ thống Viettel Post, VN Post; lực lượng “Áo xanh đi chợ”, “Đội nữ xung kích”, “Tổ hỗ trợ mua nhu yếu phẩm thiết yếu cho các hộ gia đình” của các địa phương vẫn được thực hiện,... góp phần hạn chế người dân ra đường, hạn chế thấp nhất việc lây lan dịch bệnh.

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh cơ bản bảo đảm thực hiện tốt, quan tâm đến người có công, gia đình chính sách, người nghèo, phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn, người mất công ăn việc làm do dịch bệnh; nắm chắc tình hình, không để người dân thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu các nhu yếu phẩm thiết yếu. Tổng số tiền mặt 90.237 triệu đồng; hỗ trợ lương thực phẩm là 2.600 triệu đồng; trợ giá tiền điện 40.516 triệu đồng; tiền nước sạch là 3.068 triệu đồng. Trong đó Bến Tre được Chính phủ phân bổ 2.408,265 tấn gạo, và 119,7 tấn gạo huy động từ nguồn khác để hỗ trợ cho 58.271 hộ, với 160.551 người gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Đối tượng hỗ trợ gồm: Hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ người có công thuộc hộ nghèo, cận nghèo và người dân bị ảnh hưởng dịch Covid-19. Đến nay, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã chuyển 100% số gạo được nhận đến đúng đối tượng theo quy định.

Ngoài ra, tỉnh đã hỗ trợ tiền cho 7.827 người bán vé số trên địa bàn tỉnh với số tiền 11,74 tỷ đồng.

Đồng thời, tỉnh đã tổ chức đón 1.164 công dân ở Thành phố Hồ Chí Minh về Bến Tre theo nguyện vọng.

4. Giáo dục, đào tạo

Mạng lưới trường, lớp học (bao gồm ngoài công lập) được điều chỉnh cơ bản đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và nhu cầu học tập của nhân dân. Số trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia tiếp tục duy trì và phát triển. Toàn tỉnh hiện có 208 trường đạt chuẩn quốc gia, gồm 41 trường mầm non, tỷ lệ 25,15%; 90 trường tiểu học, tỷ lệ 48,9%; 66 trường trung học cơ sở, tỷ lệ 50,77%; 11 trường trung học phổ thông, tỷ lệ 31,43%.

Chất lượng giáo dục học ổn định, tỷ lệ học sinh khá giỏi tăng ở các cấp học, cụ thể ở cấp trung học cơ sở: xếp loại học lực khá, giỏi chiếm tỷ lệ 75,04% (tăng 2,38%), trung bình 23,01% (tăng 2,42%), yếu kém 1,95%; Cấp trung học phổ thông: xếp loại học lực khá, giỏi chiếm tỷ lệ 79,85% (tăng 4,34%), trung bình 19,41% (giảm 3,78%), yếu kém 0,74% (tăng 0,05%).

Kết quả tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 99,21%, trong đó hệ giáo dục phổ thông đạt 99,75%, hệ giáo dục thường xuyên đạt 94,37%. Tỷ lệ học sinh bỏ học các cấp được duy trì ở mức thấp, Cấp tiểu học không có học sinh bỏ học; trung học cơ sở 0,45% (giảm 0,08%); THPT 0,53% (giảm 0,31%); Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên 2,7% (giảm 0,33%) so với cùng kỳ.

Phổ cập giáo dục các cấp tiếp tục được duy trì và phát triển, hiện có 9/9 huyện, thành phố đạt chuẩn: phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3, đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2; huyện Mỏ Cày Nam và thành phố Bến Tre đạt chuẩn PCGD trung học; 9/9 huyện, thành phố đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2. Việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống các trường phổ thông được chú trọng. Tiếp tục chuẩn bị thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa mới. Đã phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2021-2022; phổ biến cho toàn thể cán bộ, giáo viên của nhà trường nội dung tiêu chí, quy trình lựa chọn sách giáo khoa lớp 2 và lớp 6; hoàn tất việc chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6. Tổ chức lễ khai giảng năm học mới (2021-2022) và định hướng dạy học và học một số môn trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bến Tre, trực tuyến qua ứng dụng trên các thiết bị có kết nối internet.

Công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại cơ quan, đơn vị, trường học được tập trung thực hiện nghiêm túc, đảm bảo hiệu quả; tiếp tục chuẩn bị, đảm bảo các điều kiện dạy và học trực tuyến phù hợp tình hình, diễn biến dịch bệnh. Phân

hiệu ĐHQG -TPHCM tại Bến Tre đang đào tạo 05 lớp đại học với 86 sinh viên và 21 lớp cao học với 254 học viên, 138 học viên đã tốt nghiệp.

Đề án thành lập Trường Đại học tại Bến Tre là thành viên của Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh được tập trung triển khai xây dựng. Dự thảo Đề án đã được thông qua hội đồng thẩm định của trường, dự kiến sau khi tình hình dịch bệnh Covid-19 ổn định trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến.

5. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

a. Tình hình dịch bệnh

Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và hoàn thiện . Công tác khám và điều trị bệnh cho người dân được duy trì thực hiện tốt, công suất sử dụng giường bệnh toàn tỉnh đạt 53,23%. Các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, giám sát dịch tễ được tăng cường, các bệnh truyền nhiễm có chiều hướng giảm, riêng chân tay miệng và thủy đậu tăng so cùng kỳ, cụ thể tình hình các bệnh truyền nhiễm gây dịch tính từ đầu năm đến hết ngày 15/9/2021 phát sinh như sau:

Sốt xuất huyết (SXH): trong tháng, toàn tỉnh đã ghi nhận 15 ca mắc tại 6 huyện, trong đó có 02 ca SXH nặng, không có ca tử vong, so với tháng trước số mắc giảm 38 ca, SXH nặng tăng 01 ca; So với tháng 9 năm 2021: số mắc giảm 715 ca, SXH nặng giảm 19 ca. Lũy kế 9 tháng đầu năm có 422 ca, SXH nặng: 20 ca, không có ca tử vong, so với lũy kế cùng kỳ năm trước, số mắc giảm 1.576 ca, giảm 24 ca nặng.

Hội chứng Chân - tay - miệng: trong tháng ghi nhận 03 ca mắc tại 2 huyện, không có ca tử vong, so với tháng trước số mắc giảm 11 ca; So với tháng 9 năm 2020: số mắc giảm 50 ca. Lũy kế 9 tháng đầu năm số mắc 713 ca, không có ca tử vong, so với lũy kế cùng kỳ năm trước giảm 434 ca mắc.

Thủy đậu: trong tháng ghi nhận 01 ca mắc tại huyện Thạnh Phú, so tháng trước giảm 04 ca, so tháng 9 năm 2020 giảm 50 ca. Lũy kế 9 tháng đầu năm ghi nhận 178 ca, 0 tử vong; so lũy kế cùng kỳ năm trước tăng 4 ca mắc.

Quai bị: trong tháng ghi nhận 02 ca mắc tại huyện Châu Thành, so tháng trước tăng 02 ca; so tháng 9 năm 2020 giảm 08 ca mắc. Lũy kế 9 tháng đầu năm số mắc 35 ca, 0 tử vong, so lũy kế cùng kỳ năm trước giảm 108 ca mắc.

Tình hình dịch bệnh Covid-19: Công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong các hoạt động được tổ chức trên địa bàn tỉnh đều được kiểm soát tốt với sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, đoàn thể và sự hướng dẫn, chỉ đạo từ các cấp. Toàn tỉnh đã thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg từ ngày 19/7/2021 đến ngày 10/9/2021, hiện tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát tốt. Tỉnh đã ban hành các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19

nhằm bảo vệ an toàn vùng bình thường mới; quản lý chặt chẽ vùng nguy cơ rất cao, không để phát sinh ca bệnh và chuyển hóa dần vùng nguy cơ, nguy cơ cao, nguy cơ rất cao sang bình thường mới; triển khai đồng loạt 02 chiến dịch xét nghiệm tầm soát cộng đồng tại 9/9 huyện, thành phố. Đánh giá nguy cơ theo Quyết định số 2686/QĐ-BCDQG ngày 31/5/2021 của BCDQG Phòng chống dịch Covid-19, về việc ban hành "Quy định đánh giá mức độ nguy cơ và các biện pháp hành chính tương ứng trong phòng, chống dịch Covid-19", đến thời gian báo cáo toàn tỉnh có 9/9 huyện đều là "vùng xanh". Hiện tỉnh đang chuyển sang trạng thái bình thường mới.

Theo báo cáo của Sở Y tế tỉnh Bến Tre: tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 21/9/2021 ghi nhận số trường hợp phải cách ly y tế là 53.654 trường hợp, trong đó:

- + Số trường hợp chấm dứt cách ly: 51.144 trường hợp;
- trùng
- + Số trường hợp hiện đang cách ly: 2.357 trường hợp;
- + Tổng số trường hợp được lấy mẫu xét nghiệm có kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 dương tính và được đưa vào điều trị: 1.885, trong đó:
 - + Số trường hợp xuất viện: 1.750 trường hợp;
 - + Số trường hợp tử vong: 48 trường hợp;
 - + Số trường hợp đang điều trị: 86 trường hợp;
 - + Số trường hợp đang chuyển từ khu cách ly tập trung sang cơ sở điều trị: 01 trường hợp;

b. Công tác y tế dự phòng

Phòng chống dịch Covid-19: Tính đến thời điểm báo cáo, TTYT 9 huyện/thành phố đã thành lập 6.804 tổ phòng chống Covid-19 cộng đồng (huyện Ba Tri 1.098, Mô Cày Bắc 672, Giồng Trôm 1.025, TpBT 594 tổ, Thạnh Phú 584 tổ, Bình Đại 557 tổ, Châu Thành 773 tổ, Mô Cày Nam 890 tổ, Chợ Lách 611 tổ).

- Triển khai thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 tại Khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh-Thăm dò chức năng và cơ sở 3 thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; thực hiện mua test nhanh xét nghiệm SARS-CoV-2 từ nguồn hỗ trợ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Bến Tre; thực hiện xét nghiệm test nhanh, xét nghiệm khẳng định SARS-CoV-2 các trường hợp nghi ngờ, về từ vùng dịch, các trường hợp cách ly và sau cách ly theo quy định.

- Triển khai trạng thái phòng chống dịch bệnh ở cấp độ 4; thực hiện truy vết triệt để các F1 ngoài cộng đồng và truy vết các trường hợp liên quan người

có kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 dương tính trên địa bàn tỉnh; duy trì công tác phát hiện, giám sát, theo dõi tình hình sức khỏe những người đến/về từ vùng dịch, các trường hợp đang cách ly tập trung, đang điều trị tại các bệnh viện; thực hiện công tác khoanh vùng, dập dịch; theo dõi, xác minh người nhập cảnh và các trường hợp đã hết thời gian cách ly tập trung về địa phương.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện phòng, chống và đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch Covid-19 tại nơi làm, khu công nghiệp, trường học, nhà hàng, khách sạn, các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ,... trên địa bàn tỉnh; gửi công văn đến các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể trên địa bàn tỉnh tăng cường tuyên truyền bảo đảm phòng, chống dịch Covid-19; truyền thông thực hiện thông điệp 5K của Bộ Y tế (Khẩu trang – Khử khuẩn – Khoảng cách – Không tập trung – Khai báo y tế).

- Thiết lập đội tình nguyện phòng, chống dịch Covid-19 với 159 thành viên và tổ chức tập huấn về lấy mẫu, truy vết và xét nghiệm nCov; phân công nhiệm vụ 41 thành viên; ngoài ra các đơn vị cũng đã tiếp nhận tình nguyện viên đăng ký tham gia

- Tiếp tục triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19 tỉnh Bến Tre, kết quả tính đến ngày 14/9/2021 đã thực hiện tiêm mũi 1 cho 141.606 người, chiếm tỷ lệ 14,44% dân số trên 18 tuổi; mũi 2: 43.861 người, chiếm tỷ lệ 4,47% dân số trên 18 tuổi.

Tiêm chủng mở rộng: Duy trì thực hiện tại các cơ sở y tế (Trạm Y tế xã), số trẻ em < 1 tuổi được tiêm đầy đủ 8 loại vắc xin 12.357 đạt 71,4% so kế hoạch (KH 2021: >=95%), giảm 4,8% so với cùng kỳ 2020. Thực hiện tốt an toàn tiêm chủng, không để xảy ra sự cố bất lợi sau tiêm chủng, tuy nhiên do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên phần nào ảnh hưởng đến tiến độ tiêm chủng.

Phòng chống bệnh Phong – Da liễu: Tổng số lượt khám phát hiện bệnh Phong và Da liễu là 150.000 đạt 75% so KH (giảm 28,8% so cùng kỳ 2020); tỷ lệ bệnh nhân phong được chăm sóc tàn tật là 86% (KH 2021:100%), giảm 5% so cùng kỳ 2020; tỷ lệ lưu hành bệnh phong/10.000 dân là 0,008% (KH 2021: <0,1), giảm 0,012% so cùng kỳ 2020; không phát hiện bệnh phong mới; hiện đang quản lý 104 bệnh. Do tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp nên trong 9 tháng đầu năm 2021 không triển khai được nhiều lớp tập huấn và lồng ghép công tác khám tầm soát bệnh phong.

Phòng chống SXH: Điều tra muỗi SXH, khảo sát côn trùng SXH thường xuyên tại các huyện/thành phố; hỗ trợ giám sát chống dịch SXH, khảo sát lăng

quảng, giám sát phun hóa chất diệt muỗi SXH tại các huyện/thành phố; các ổ dịch được phát hiện và xử lý trong cộng đồng, không xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn tỉnh.

Chăm sóc sức khỏe sinh sản: Tỷ lệ phụ nữ sinh được khám thai 4 lần/3 thời kỳ đạt 98,02%/ tổng số phụ nữ đã sinh (số lượng 1.274/1.326). Tỷ lệ phụ nữ sinh con được cán bộ y tế hỗ trợ đạt 99,98%. Tai biến sản khoa: xảy ra 62 trường hợp chủ yếu băng huyết sau sinh nhưng không có trường hợp tử vong mẹ.

Chăm sóc và điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm HIV trong thời kỳ mang thai đạt 97,75% tăng 7,61% so cùng kỳ 2020, trong đó có 05 trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV và được điều trị dự phòng lây truyền HIV.

Tình hình KHHGD: đối với các biện pháp KHHGD vẫn thực hiện thường xuyên, số người mới thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại trong tháng 405.

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: Số trẻ sơ sinh được cân 9.378 trẻ, trong đó có 290 trẻ cân nặng < 2.500gr, chiếm 3,1%. Tổng số trẻ em từ 0-5 tuổi là 69.526 trẻ, trong đó: 5.436 trẻ suy dinh dưỡng về cân nặng và có 4.607 trẻ suy dinh dưỡng về chiều cao.

c. Tình hình triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm

Ngộ độc thực phẩm: trong tháng không phát sinh, lũy kế từ đầu năm đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh không phát sinh.

d. Công tác khám chữa bệnh

So cùng kỳ 2020, tổng số lần khám bệnh trong 9 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn tỉnh giảm 22,6%, số lượt bệnh nhân điều trị nội trú giảm 22,7%, số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú giảm 7,1%, tổng số ngày điều trị nội trú tăng 16%, công suất sử dụng giường bệnh chung toàn tỉnh bình quân 53,23% giảm 20,24%, tỷ lệ tử vong tăng 54,54% (9 tháng 2021: 113 ca, 9 tháng 2020: 70 ca). Việc thanh toán chi phí khám chữa bệnh không dùng tiền mặt vẫn còn hạn chế số lượng người sử dụng là do thói quen, đa số là dân nghèo... chưa triển khai thí điểm Bệnh án điện tử do chưa có các gói cập nhật hỗ trợ triển khai ở hạ tầng phần cứng và chức năng của phần mềm.

6. Hoạt động văn hóa, thể thao

Các hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị của đất nước và địa phương được tập trung triển khai thực hiện chu đáo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống dịch Covid-19 thông qua các hình thức trực tiếp, gián tiếp và truyền thông trên các trang mạng

xã hội. Thực hiện 09 cuộc tuyên truyền Tuần lễ cao điểm phòng, chống dịch Covid-19; sản xuất 10 audio tuyên truyền, 05 video clip tuyên truyền phòng dịch Covid-19 chạy xe cổ động, phát trên hệ thống truyền thanh xã, huyện, thành phố Bến Tre và trên mạng xã hội. Công tác trùng tu, tôn tạo, giữ gìn phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa được quan tâm thực hiện. Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án: Chuyển đổi chất liệu phần mỹ thuật Tượng đài chiến thắng Lộ Tho, Tượng đài chiến thắng Giá Thẻ và Tượng đài đánh tàu trên sông Giồng Trôm; Di tích lịch sử - văn hóa căn cứ cách mạng Bung Lạc Địa; Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đồng Khởi Bến Tre; Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu và đề xuất lại chủ trương đầu tư Bảo tàng Bến Tre giai đoạn 1 (2022-2026).

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tục duy trì và nâng chất, gắn với xây dựng xã văn hóa nông thôn mới và trọng tâm là xây dựng con người Bến Tre phát triển toàn diện, xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Phong trào thể dục thể thao quần chúng tiếp tục được duy trì; định hướng công tác đào tạo, huấn luyện, tập trung đầu tư các môn trọng điểm hướng đến mục tiêu tham dự Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 và lần thứ X năm 2026; tham dự 07 giải thể thao khu vực, toàn quốc đạt 23 huy chương (09 HCV, 10 HCB, 04 HCD).

Tuy nhiên, một số hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch đã có kế hoạch tổ chức thực hiện phải tạm dừng hoặc thay đổi phương thức tổ chức để phù hợp với tình hình thực tế như: các cuộc hội thi hội diễn, các giải thi đấu thể thao, các cuộc hội thảo, họp mặt, khảo sát lĩnh vực du lịch,... Để đảm bảo các hoạt động mang tính lan tỏa trong tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị chuyển sang hoạt động trực tuyến như tổ chức hội thi trực tuyến, xây dựng các video, clip tuyên truyền về phòng, chống dịch Covid-19 trên các trang mạng xã hội và nhận được sự tương tác rất tích cực từ cộng đồng mạng, góp phần nâng cao ý thức của nhân dân trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Đồng thời, các đội tuyển, đội trẻ thể thao tập trung tập luyện đảm bảo 3 tại chỗ nhằm chuẩn bị lực lượng sẵn sàng thi đấu.

7. Tình hình an ninh trật tự và tai nạn giao thông

a. Tình hình an ninh trật tự

Phạm pháp hình sự: trong tháng toàn tỉnh xảy ra 61 vụ làm chết 01 người, tài sản thiệt hại 949,81 triệu đồng; so tháng trước tăng 07 vụ, tăng 01 người chết và tài sản thiệt hại giảm 547,19 triệu đồng; so với tháng 9 năm 2020,

giảm 14 vụ, tăng 01 người chết, giảm 18 người bị thương, tài sản thiệt hại tăng 504,81 triệu đồng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, toàn tỉnh xảy ra 559 vụ làm chết 18 người, bị thương 74 người và tài sản thiệt hại 18.627 triệu đồng; so lũy kế cùng kỳ năm trước giảm vụ, số người chết tăng 08 người, giảm 6 người bị thương và thiệt hại tài sản giảm 3.668,99 triệu đồng.

Tệ nạn xã hội và vi phạm hành chính: trong tháng phát hiện 17 vụ giảm 12 vụ so tháng trước và giảm 55 vụ so với tháng cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm toàn tỉnh phát sinh 511 vụ, giảm 57 vụ so lũy kế cùng kỳ năm trước.

Tai nạn xã hội: trong tháng xảy ra 4 vụ, làm chết 4 người, tài sản thiệt, so với tháng trước giảm 03 vụ, giảm 02 người chết, giảm 01 người bị; so với cùng tháng năm trước giảm 14 vụ, giảm 15 người chết, giảm 05 người bị thương và tài sản thiệt hại giảm 12,6 triệu đồng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, toàn tỉnh xảy ra 184 vụ làm chết 120 người, bị thương 31 người. So với lũy kế cùng kỳ năm trước, giảm 26 vụ, giảm 55 người chết, giảm 36 người bị thương.

b. Tai nạn giao thông

Nhìn chung, trong tháng báo cáo tình hình giao thông có kéo giảm được số vụ, số người và tài sản thiệt hại so với tháng trước, cụ thể:

- *Tai nạn giao thông đường bộ* (bao gồm cả các vụ va chạm giao thông), trong tháng xảy ra 01 vụ làm chết 01 người, không có người bị thương, so với tháng trước giảm 03 vụ, giảm 03 người chết và giảm 01 người bị thương, tài sản thiệt hại giảm 12 triệu đồng; so với cùng tháng năm trước giảm 11 vụ, giảm 09 người chết, giảm 10 người bị thương và tài sản thiệt hại giảm 12,6 triệu đồng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, toàn tỉnh xảy ra 102 vụ, chết 87 người, bị thương 32 người; so với lũy kế cùng kỳ năm trước giảm 49 vụ tương đương, giảm 37 người chết, giảm 29 người bị thương.

Nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông đường bộ là do người tham gia giao thông đi không đúng phần đường quy định, tránh vượt không đúng quy định, không làm chủ tay lái, thiếu chú ý quan sát....

+ *Tai nạn giao thông đường thủy:* trong tháng báo cáo và tháng trước không phát sinh. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2020, toàn tỉnh không phát sinh vụ tai nạn giao thông đường thủy nào.

+ *Tai nạn khác*: trong tháng phát sinh 03 vụ đuối nước, làm chết 06 người; so tháng trước tăng 02 vụ, tăng 01 người chết; so cùng tháng năm trước số vụ tương đương, nhưng số người chết giảm 03 người.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, toàn tỉnh phát sinh 33 48 vụ, chết 33 người, so lũy kế cùng kỳ năm trước giảm 15 vụ, giảm 17 người chết.

8. Tình hình cháy nổ và bảo vệ môi trường

Trong tháng báo cáo không phát sinh, so tháng trước giảm 01 vụ, tài sản thiệt hại giảm 2,5 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, toàn tỉnh phát sinh 6 vụ cháy, không thiệt hại về người và tài sản thiệt hại là 5.160 triệu đồng; so lũy kế cùng kỳ giảm 04 vụ, tài sản thiệt hại giảm 3.503 triệu đồng.

Tình hình thiệt hại rừng không có diễn biến phức tạp, cơ quan Kiểm lâm đã phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng và địa phương thường xuyên duy trì công tác kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các trường hợp chặt phá, lấn chiếm đất rừng.

9. Tình hình thiệt hại do thiên tai

Qua 9 tháng đầu năm 2021 tình hình thiên tai, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 19 vụ lốc xoáy và 3 vụ sạt lở đất và 01 vụ mưa trái mùa, tuy không gây thiệt hại về người nhưng gây thiệt hại về tài sản: nhà ở, cây ăn trái, đê bao, đường giao thông... Tổng giá trị thiệt hại ước khoảng 15,44 tỷ đồng. Ngành chức năng đã kịp thời hỗ trợ động viên những hộ bị thiệt hại do thiên tai nhằm giúp họ mau chóng ổn định cuộc sống.

XI. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP

Trên cơ sở kết quả trong 9 tháng đầu năm và phân tích nguyên nhân hạn chế, khó khăn trong thực hiện các chỉ tiêu cả năm, nhất là các chỉ tiêu đạt thấp, đồng thời xác định trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, thì các ngành, các cấp tập trung triển thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong 3 tháng còn lại để quyết tâm hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu đề ra như sau:

- Thực hiện tốt các giải pháp vừa đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về phòng phòng, chống dịch Covid-19 và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ưu tiên cao nhất cho công tác phòng, chống dịch bệnh; cấp cứu kịp thời, điều trị, chăm sóc bệnh nhân, giảm thiểu tối đa tỷ lệ tử vong; chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện ứng phó trong mọi tình huống; phấn đấu đến ngày 15/9/2021 toàn tỉnh trở về trạng thái bình thường mới. Thực hiện nghiêm túc, nhanh chóng, hiệu quả chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19, ưu tiên tiêm ngừa cho công nhân, người lao động tại các DN trong và ngoài khu, cụm công nghiệp;

phần đầu đến cuối năm 2021 trên 95% dân số của tỉnh từ 18 tuổi trở lên được tiêm phòng đủ vắc xin. Chủ động nghiên cứu việc tham gia tiêm vắc xin phòng Covid-19 có thu phí của các cơ sở y tế (kể cả tư nhân) khi có chủ trương của Chính phủ.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về phòng, chống Covid-19 gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và kế hoạch thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp phục hồi kinh tế - xã hội những tháng cuối năm 2021. Thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; hướng dẫn DN xây dựng phương án sản xuất theo phương châm “3 tại chỗ”, “1 cung đường, 2 điểm đến” để đi vào hoạt động khi kết thúc thực hiện giãn cách xã hội; kịp thời thông tin, phổ biến các chính sách hỗ trợ do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 để DN tiếp cận; đề xuất chính sách hỗ trợ DN khởi nghiệp phục hồi sau dịch Covid-19.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch phát triển 4.000 ha nuôi tôm biển công nghệ cao; đầu tư hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghệ cao huyện Bình Đại. Hoàn thành Đề án thành lập Trung tâm cây giống, hoa kiểng Chợ Lách. Kịp thời thông tin về tình hình thời tiết, khí hậu, mưa bão, xâm nhập mặn cho nông dân để chủ động ứng phó để bảo vệ thành quả sản xuất; triển khai phương án ứng phó với thiên tai phù hợp với phương châm “4 tại chỗ”. Thành lập các tổ/đội hỗ trợ nông dân thu hoạch, thu gom, vận chuyển và kết nối tiêu thụ nông sản, thủy sản có sản lượng lớn đang hoặc sắp đến vụ thu hoạch (như lúa Hè Thu); hướng dẫn nông dân xuống giống và chăm sóc tốt vụ lúa Thu Đông. Giám sát và kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản; vận động các hộ chăn nuôi tiêm phòng cho đàn vật nuôi; tổ chức tuyên truyền, tập huấn phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, tập trung xử lý sâu đầu đen hại dừa, bệnh viêm da nổi cục trâu, bò.... Xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao cho các xã đủ điều kiện. Tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, HTX, THT và doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tiêu thụ nông sản trên Sàn thương mại điện tử của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (sàn postmart.vn) và Tổng công ty cổ phần Bưu chính Viettel (sàn voso.vn), kể cả các sản phẩm thông thường chưa phải là sản phẩm OCOP.

- Tập trung phát triển công nghiệp chủ lực theo Kế hoạch số 3454/KH-UBND ; chủ động theo dõi, phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có quy mô và giá trị sản xuất lớn, có đóng góp quan trọng cho xuất khẩu. Tiếp tục thực hiện có

hiệu quả các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp như khuyến công, nâng cao năng lực cạnh tranh... thông qua hoạt động tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ. Xây dựng hoàn chỉnh Đề án phát triển Trung tâm dứa Đồng Gò trở thành Trung tâm nghiên cứu, phát triển dứa mang tầm quốc gia; triển khai Kế hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; hoàn thành Đề án “Cung cấp gói giải pháp SEO thông minh qua landing pages cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre”.

- Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại mở rộng thị trường thông qua ứng dụng thương mại điện tử; nghiên cứu và triển khai mô hình hội chợ công - nông nghiệp thực tế ảo để kết nối cung cầu, gia tăng tiêu thụ sản phẩm. Tận dụng tối đa lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực, thúc đẩy xuất nhập khẩu. Thúc đẩy kết nối tiêu thụ các mặt hàng nông sản; chủ động liên hệ, kết nối các chợ đầu mối toàn quốc, các đối tác tiêu thụ lớn như: hệ thống siêu thị Co.opmart, VinMart, Bách hóa Xanh, trung tâm thương mại... để hỗ trợ và giới thiệu doanh nghiệp tìm đầu ra cho sản phẩm. Thành lập Tổ hỗ trợ Xúc tiến thương mại liên ngành có chuyên môn sâu để thường xuyên hỗ trợ và giải quyết khó khăn cho người dân và doanh nghiệp.

- Bảo đảm nguồn vốn tín dụng đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của người dân, doanh nghiệp, nhất là vốn vay ưu đãi để sớm phục hồi sản xuất, kinh doanh. Triển khai các quy định của Ngân hàng Nhà nước cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi suất và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 ; chủ động triển khai các giải pháp, các gói hỗ trợ chăm sóc khách hàng.

- Chuẩn bị chu đáo các điều kiện phục vụ khai giảng năm học mới 2021-2022; thực hiện tốt các biện pháp tiêu độc, khử trùng, vệ sinh trường lớp để đón học sinh trở lại trường, nhất là tại những cơ sở được trưng dụng để phục vụ công tác phòng, chống dịch; triển khai các phương án, kịch bản tổ chức học tập đảm bảo các điều kiện dạy và học phù hợp tình hình, diễn biến của dịch Covid-19. Hoàn thành Đề án thành lập Trường Đại học tại Bến Tre là thành viên của Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trình Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

- Tập trung đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, nhất là vi phạm trên mạng xã hội, chống đối người thi hành công vụ, phòng chống cháy nổ; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đảm bảo 03 mục tiêu “Chống dịch - đảm bảo an ninh trật tự - phát triển kinh tế xã hội”. Triển khai thực hiện tốt các mặt công tác Công an tham gia phòng, chống dịch Covid-19 và bảo đảm an

ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh xử lý các hành vi tiêu cực, trục lợi chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt các phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trong mùa mưa, bão. Thực hiện quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tàu cá và ngư dân khai thác hải sản vi phạm vùng biển nước ngoài. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các cấp đạt yêu cầu theo kế hoạch; tham gia diễn tập khu vực phòng thủ cùng với tỉnh Đồng Tháp; chuẩn bị tốt công tác chuẩn bị tuyển quân năm 2022./.

Nơi nhận:

- Vụ TKTH, TCTK;
- VP Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TH;
- Lưu VT, TH./.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng